TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2019/HS-PT
Ngày: 29 - 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 299/2018/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Thị Ngọc A và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thị Ngọc A ; Sinh năm 1981, tại huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Nguyên kế toán chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Bá L và bà Lê Thị H ; Chồng tên: Nguyễn Văn D (đã ly hôn); Con: 01, sinh ngày 10-10-2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam ngày 13-3-2017 đến ngày 28-6-2017 được tại ngoại (có mặt).

2. Trần Văn H1, sinh năm 1975, tại huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: , thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn Đ và bà Võ Kim M; vợ: Nguyễn Thị Kiều L1; con: 02 – người lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh

năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam ngày 26-6-2017 đến ngày 23-10-2017 được tại ngoại (có mặt).

3. Trần Đăng K, sinh năm 1979, tại huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Nguyên Phó giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Huy H2 và bà Kiều Thị Lệ H3; vợ tên: Nguyễn Ngọc H4; con: 02 – người lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam ngày 26-6-2017 đến ngày 23-10-2017 được tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Thị Ngọc A ***:*** Ông Lê Hải B là luật sư thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H1: Ông Phạm Anh V là luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc trực thuộc Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện Phú Quốc, được thành lập theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 05-01-2007 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất và chỉnh lý thống nhất biến động về sử dụng đất, quản lý hồ sơ địa chính; thực hiện việc thu phí, lệ phí trong quản lý sử dụng đất đai theo quy định pháp luật, thực hiện các dịch vụ có thu về trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính... Đến ngày 04-11-2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang có quyết định số 2668/QĐ-UBND về việc thành lập Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang và các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị, thành phố (chuyển đổi từ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất) trực thuộc sự quản lý của Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Kiên Giang, là đơn vị hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01-01-2016.

Theo quy định của Luật kế toán năm 2003, Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24-7-2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17-9-2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước. Sau khi được thành lập, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc vận dụng theo quy định và trên thực tế đã thực hiện theo quy trình thu phí, lệ phí và thanh quyết toán hàng tháng, như sau: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc (gọi tắt là Văn phòng) phân công cán bộ đến Chi cục thuế huyện Phú Quốc mua biên lai thu phí, lệ phí

(ấn chỉ). Sau khi nhận biên lai thu phí, lệ phí thì đem về Văn phòng bàn giao lại cho Kế toán vào sổ quản lý. Sau khi Kế toán đóng dấu treo cơ quan phải bàn giao lại cho cán bộ thu phí, lệ phí đất đai theo từng quyển biên lai và có vào sổ bàn giao. Cán bộ được phân công thu phí, lệ phí đất đai thực hiện nhiệm vụ thu phí, lệ phí theo quy định. Văn phòng mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Phú Quốc để quản lý số tiền thu phí, lệ phí. Theo định kỳ hàng ngày hoặc hàng tuần, tùy vào tình hình thu phí, lệ phí, cán bộ chịu trách nhiệm thu phí, lệ phí và bàn giao số tiền đã thu cho Thủ quỹ quản lý tiền thu phí, lệ phí đất đai và biên lai đã thu để quyết toán hàng tháng. Hàng tháng, Văn phòng thực hiện kê khai phí, lệ phí và nộp tờ kê khai, báo cáo số biên lai đã sử dụng, số thanh hủy và số còn tồn cho Chi cục thuế huyện Phú Quốc trong 05 ngày đầu của tháng tiếp theo để Chi cục thuế theo dõi, quản lý. Trường hợp trong tháng không phát sinh số thu tiền phí, lệ phí vẫn phải kê khai và nộp tờ khai cho Chi cục thuế. Văn phòng phải kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ khai theo quy định và Lãnh đạo (Ban giám đốc) Văn phòng phải ký duyệt và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai. Chi cục thuế sẽ thực hiện việc kiểm tra tờ khai và có thông báo cho Văn phòng biết số tiền thu phí, lệ phí phải nộp vào ngân sách nhà nước (là 10%). Văn phòng có trách nhiệm làm thủ tục nộp tiền vào ngân sách nhà nước chậm nhất không quá ngày 15 của tháng tiếp theo. Số tiền phí, lệ phí còn lại (90%), Văn phòng được giữ lại để chi trả tiền lương và làm chi phí trong quá trình thực hiện việc thu phí, lệ phí. Ngoài ra theo Đề án "một cửa", phần lớn các thủ tục đo vẽ, thẩm định, trích lục, đăng ký thế chấp và xóa thế chấp,.. do "Tổ tiếp nhận và trả kết quả" thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc thực hiện. Riêng việc thu tiền phí, lệ phí đất đai có liên quan đến các thủ tục trên thì do cán bộ "Tổ tiếp nhận và trả kết quả" trực tiếp thu và hàng ngày hoặc hàng tuần, cán bộ này bàn giao biên lai và tiền thu phí, lệ phí cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng huyện Phú Quốc quản lý và chịu trách nhiệm thực hiện việc quyết toán với Chi cục thuế huyện như trên.

Đến năm 2016, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc đổi thành Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc (Chi nhánh Văn phòng) trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang, thì có sự thay đổi là Chi nhánh phải nhận biên lai thu phí, lệ phí từ Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh. Định kỳ hàng tháng, Chi nhánh phải nộp tiền thu phí, lệ phí đã thu vào tài khoản tiền gửi của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh tại Kho bạc nhà nước tỉnh Kiên Giang (theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh) và báo cáo số tiền thu phí, lệ phí (kèm theo giấy nộp tiền tại Kho bạc, bảng kê thu phí, lệ phí) có ký duyệt của Ban giám đốc Chi nhánh văn phòng. Trên cơ sở đó, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp quyết toán số tiền thu phí, lệ phí và đề nghị qua Kho bạc nhà nước tỉnh trích nộp vào ngân sách và trích sử dụng theo quy định. Cuối mỗi quý (03 tháng), các Chi nhánh báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo mẫu của Cục thuế tỉnh, Ban Giám đốc chi nhánh ký duyệt kiểm tra gửi về Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, để Văn phòng tổng hợp ký duyệt gửi qua Cục thuế tỉnh theo quy định.

1. Về hành vi tham ô tài sản:

Phạm Thị Ngọc A được bổ nhiệm làm kế toán tại Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc (Văn phòng) theo quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 13/03/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc. Ngoài nhiệm vụ chính là kế toán, A còn được Giám đốc Văn phòng phân công tiếp nhận các loại hồ sơ do người dân đến làm thủ tục đất đai, như: hồ sơ đo đạc, hồ sơ thẩm định, trích lục hồ sơ, đăng ký thế chấp và xóa thế chấp; nhận, quản lý các ấn chỉ, thu phí, lệ phí đất đai,.... Đến tháng 7/2010, thủ quỹ Văn phòng là Nguyễn Thị Tú G nghỉ thai sản nên G tự giao cho Phạm Thị Ngọc A quản lý các khoản tiền thu phí, lệ phí đất đai; còn các khoản thu khác thì giao cho Cao Phương U (nhân viên Văn phòng). Đến năm 2012, Trần Văn H1 được bổ nhiệm làm Giám đốc Văn phòng, H1 biết rõ A vừa thực hiện nhiệm vụ kế toán, vừa làm thủ quỹ quản lý các khoản tiền thu phí, lệ phí đất đai nhưng vẫn mặc nhiên đồng ý cho Á tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trên.

Trong quá trình điều tra, Phạm Thị Ngọc A khai nhận: Từ năm 2013 đến tháng 06/2016, A lợi dụng nhiệm vụ được giao kế toán và thủ quỹ quản lý các khoản tiền thu phí, lệ phí đất đai, A đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền thu phí, lệ phí tiêu xài cá nhân với cách làm như sau:

Nguyễn Thị Tú G , Nguyễn Quốc P , Diệp Quốc T (là cán bộ của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc), Ngô Tố T1, Huỳnh Mùa X , Phan Chí P1 , Đoàn Thị Tranh T2, Nguyễn Tấn D1,. (là cán bộ của "Tổ tiếp nhận và trả kết quả" thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện) được lãnh đạo hai đơn vị phân công nhiệm vụ tực tiếp thu tiền phí, lệ phí đất đai. Hàng tuần, sau khi thu tiền phí, lệ phí của khách hàng, các cán bộ trên trực tiếp bàn giao tiền thu phí, lệ phí đất đai và biên lai đã thu cho Phạm Thị Ngọc A quản lý để A tổng hợp quyết toán hàng tháng. Đến cuối mỗi tháng khi tổng hợp tiền thu phí, lệ phí đất đai, A tiến hành lập bảng kê thanh toán ấn chỉ (kê khai chi tiết từng biên lai phí, lệ phí) nhưng vì mục đích chiếm đoạt tiền nên A kê khai số tiền thấp hơn số tiền trên thực tế đã thu (có ghi trên từng biên lai thu phí, lệ phí); sau đó A cộng số liệu đã kê thấp hơn rồi lập các chứng từ quyết toán (gồm: đề nghị nộp phí lệ phí; tờ khai phí, lệ phí; bảng kê thanh toán ấn chỉ, xác nhận kê khai thu phí, lệ phí;...) trình Trần Văn H1(Giám đốc), Trần Đăng K (Phó Giám đốc) Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất ký duyệt; Sau đó, A mang các thủ tục trên đến Chi Cục thuế, Phòng Tài chính kế hoạch huyện Phú Quốc để thẩm định quyết toán. Đến năm 2016 do có sự thay đổi là tất cả các chứng từ quyết toán phải gửi về Phòng Kế hoạch tài chính thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang để Phòng Kế hoạch tài chính tham mưu lập các thủ tục, chứng từ trình lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang ký quyết toán với Cục thuế tỉnh và đề nghị qua Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang như quy trình nêu trên). Song với cách làm trên, A vẫn tiếp tục lập bảng kê khai số tiền thấp hơn số tiền trên thực tế đã thu gửi về Phòng Kế hoạch tài chính tỉnh. Khi ký duyệt các chứng từ quyết toán thì Trần Văn H1 và Trần Đăng K không kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai phí, lệ phí và bảng kê thanh toán ấn chỉ với biên lai thu phí, lệ phí đã thu. Cứ sau mỗi lần A tổng hợp chứng từ để quyết toán (A lập bảng kê số tiền thấp hơn số tiền đã thu trên biên lai) thì số tiền chênh lệch phải

nộp, A cất giữ trong tủ cơ quan, đợi đến khi các chứng từ được quyết toán xong thì A chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Với cách làm trên trong một thời gian dài từ năm 2013 đến tháng 6/2016, A đã chiếm đoạt tiêu xái cá nhân, gây thất thoát ngân sách nhà nước 2.493.406.500 đồng.

Đến tháng 8/2016, khi Đoàn Thanh tra của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc tiến hành thanh tra việc thực hiện thu, nộp phí, lệ phí đất đai tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc, do sợ hành vi sai phạm của mình bị phát hiện, A đã dùng thủ đoạn bôi xóa, sửa chữa số tiền ghi trên biên lai (lai lưu) đã thu trên thực tế nhằm để cho khớp với số tiền A đã kê thấp trên bảng kê thanh toán ấn chỉ mà A đã trình Ban Giám đốc Văn phòng ký quyết toán để đối phó với Đoàn Thanh tra.

Tại Kết luận giám định số 697/KL-KTHS ngày 25-01-2017; Kết luận giám định số 159/KL-KTHS ngày 10-4-2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Kiên Giang; Kết luận giám định số 54/KLGĐ - STC ngày 03-4-2017 và Kết luận giám định số 105/KLGĐ - STC ngày 26-6-2017 của Tổ giám định thuộc Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang, đã kết luận: Trong thời gian từ gian từ năm 2013 đến tháng 6/2016, Phạm Thị Ngọc A đã tẩy xóa và điền thêm nội dung trên biên lai thu phí, lệ phí tổng cộng 128 biên lai thu tiền phí, lệ phí; tham mưu cho Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc (chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc) ký duyệt kê khai quyết toán số thu phí, lệ phí không đúng quy định để chiếm đoạt 2.493.406.500 đồng gây thất thoát ngân sách nhà nước, A đã nộp khắc phục đủ số tiền trên.

2. Về hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng:

Đối với Trần Văn H1:

Trần Văn H1 được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc theo Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 06-02-2012 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc (thay cho ông Trần Thanh L2do chuyển công tác khác). Đến ngày 15-12-2015, Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định số 294 bổ nhiệm Trần Văn H1 giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc. Theo Thông báo phân công nhiệm vụ của Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc thì Trần Văn H1 có nhiệm vụ phụ trách chung mọi hoạt động của đơn vị và trực tiếp phụ trách công tác thu, chi tài chính (trong đó có công tác thu phí, lệ phí đất đai).

Trong quá trình điều tra, Trần Văn H1 khai nhận: Trong thời gian từ năm 2012 đến tháng 6/2016, khi nhận bàn giao nhiệm vụ từ ông L2, Trần Văn H1 biết Phạm Thị Ngọc A làm nhiệm vụ kế toán, vừa quản lý khoản tiền thu phí, lệ phí đất đai để tổng hợp quyết toán hàng tháng tại đơn vị, nhưng H1 vẫn mặc nhiên để A thực hiện công việc trên là không thực hiện đúng nguyên tắc tài chính kế toán; Đồng thời trong quá trình quản lý, chỉ đạo điều hành tài chính tại chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc, H1 không thực hiện hết chức trách, nhiệm vụ được giao quản lý tài chính, không thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai phí, lệ phí và bảng kê thanh toán ấn chỉ với biên lai thu

tiền phí, lệ phí theo quy định, mà tin tưởng ký duyệt các chứng từ quyết toán; từ đó tạo sơ hở dẫn đến việc A chiếm đoạt tiền ngân sách nhà nước trong một thời gian dài với tổng số tiền 2.493.406.500 đồng.

Ngoài trách nhiệm chung là Giám đốc nêu trên, Trần Văn H1 phải chịu trách nhiệm từ hành vi thiếu trách nhiệm của mình, khi trực tiếp ký duyệt các chứng từ quyết toán tiền thu phí, lệ phí đất đai vào hàng tháng, tạo sơ hở cho Ánh chiếm đoạt tổng số tiền 223.004.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 54/KLGĐ - STC ngày 03-4-2017 và số 105/KLGĐ - STC ngày 26-6-2017 của Tổ giám định thuộc Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang, kết luận: Trong thời gian từ năm 2013 đến tháng 06/2016, Trần Văn Hoàng phải chịu trách nhiệm chung do thiếu trách nhiệm trong quản lý tài chính; thiếu kiểm tra việc kê khai quyết toán số thu phí, lệ phí không đúng quy định để Á chiếm đoạt số tiền 2.493.406.500 đồng; đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân trong việc ký duyệt chứng từ kê khai quyết toán số thu phí lệ phí không đúng quy định để Ánh chiếm đoạt số tiền 223.004.000 đồng.

Đối với Trần Đăng K :

Trần Đăng K được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc theo Quyết định số 7989/QĐ-UBND ngày 14-11-2012 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc. Đến ngày 15-12-2015, Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định số 293 bổ nhiệm Trần Đăng Kiên giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc.

Trong thời gian từ năm 2012 đến tháng 6/2016, Trần Đăng K khai nhận: Mặc dù không được phân công phụ trách công tác thu chi tài chính (trong đó có công tác thu tiền phí, lệ phí đất đai) nhưng K được Trần Văn H1 (Giám đốc) phân công (bằng miệng) ký duyệt chứng từ quyết toán các khoản thu tiền phí, lệ phí đất đai (khi H1 đi vắng) và K có đăng ký chữ ký tại Kho bạc huyện Phú Quốc. Khi Phạm Thị Ngọc A trình chứng từ quyết toán tiền thu phí, lệ phí đất đai thì K không thực hiện kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai phí, lệ phí và bảng kê thanh toán ấn chỉ với biên lai thu tiền phí, lệ phí theo quy định, mà tin tưởng trực tiếp ký duyệt các chứng từ quyết toán, từ đó tạo sơ hở dẫn đến việc A chiếm đoạt số tiền 1.897.182.500 đồng.

Tại Kết luận giám định số 54/KLGĐ - STC ngày 03-4-2017 của Tổ giám định thuộc Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang, kết luận: Trong thời gian từ năm 2013 đến tháng 06/2016 Trần Đăng K phải chịu trách nhiệm cá nhân trong việc ký duyệt chứng từ kê khai quyết toán số thu phí, lệ phí không đúng quy định với tổng số tiền 1.897.182.500 đồng.

Về trách nhiệm của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang: Đối với số tiền 373.220.000 đồng, do việc thực hiện quy trình quyết toán các khoản thu tiền phí, lệ phí từ khi chuyển sang mô hình Văn phòng Đăng ký đất đai chưa có quy định cụ thể, chủ yếu làm theo hướng dẫn của Cục thuế, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Quy chế của đơn vị; không có quy định nào buộc trách

nhiệm các bộ phận thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang phải đối chiếu chi tiết từng chứng từ thu phí, lệ phí với bảng kê thu phí, lệ phí do các Chi nhánh trực thuộc gửi cho Văn phòng. Vì vậy, xét thấy chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang có liên quan trong quy trình quyết toán các khoản thu tiền phí, lệ phí của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm 20/2018/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Ngọc A *phạm tội "Tham ô tài sản"; Bị cáo Trần Văn H1, Trần Đăng K phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".*

Áp dụng: Điểm a khoản 4, 5 Điều 353; điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Ngọc A *15 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam trước đó tính từ ngày 13-3-2017 đến ngày 28-6-2017. (Do bị cáo Phạm Thị Ngọc* A *đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên không ra Quyết định bắt tạm giam).*

Cấm bị cáo Phạm Thị Ngọc A *đảm nhiệm chức vụ nhất định 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.*

Áp dụng: Khoản 2, 3 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H1 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam trước đó tính từ ngày 26-6-2017 đến ngày 23-10-2017.

Cấm bị cáo Trần Văn H1 đảm nhiệm chức vụ nhất định 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo Trần Đăng K 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam trước đó tính từ ngày 26-6-2017 đến ngày 23-10-2017.

Cấm bị cáo Trần Đăng K đảm nhiệm chức vụ nhất định 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/4/2018 bị cáo Trần Văn H1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 20/4/2018 các bị cáo Phạm Thị Ngọc A, Trần Đăng K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ chí Minh tham gia phiên tòa:

Các thủ tục tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị Ngọc A là nguy hiểm cho Nhà nước và xã hội, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, cụ thể là Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo đúng người đúng tội. Tuy nhiên, xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục toàn bộ số tiền tham ô; có cha là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến; bị cáo có bầu sau thời điểm pham tội và hiện nay đang nuôi con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phát cho bị cáo A.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn H1 và Trần Đăng K , với trách nhiệm là những người đứng đầu của đơn vị, trong thời gian đảm nhiệm không làm đúng chức trách nhiệm vụ của mình, thiếu kiểm tra, giám sát, đôn đốc, nhắc nhở nên dẫn đến việc để bị cáo A chiếm đoạt tiền ngân sách. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người đúng tội đối với bị cáo H1, K . Tuy nhiên, xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vận động bị cáo A khắc phục toàn bộ số tiền tham ô, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Đối với bị cáo Trần Đăng K tại đơn kháng cáo bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa hôm nay bị cáo xin được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1và bị cáo K , cho các bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Lê Hải B bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Ngọc A **trình bày:**

Thông nhất tội danh như án sơ thẩm đã tuyên. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục toàn bộ số tiền tham ô, có cha là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến, bị cáo có thai trong thời điểm pham tội và hiện nay đang nuôi con nhỏ.

Luật sư Phạm Anh V bào chữa cho bị cáo Trần Văn 1 trình bày:

Thông nhất tội danh như án sơ thẩm đã tuyên. Do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vận động bị cáo A khắc phục toàn bộ số tiền tham ô, ngoài ra bị cáo có thân nhân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo bằng thời hạn tạm giam để tạo điều kiện tốt hơn nữa cho bị cáo trong việc hoà nhập cộng đồng.

Bị cáo Phạm Ngọc A **trình bày:** Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do xin kháng cáo: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục toàn bộ số tiền tham ô, có cha là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến, đang nuôi con nhỏ.

Bị cáo Trần Văn H1 trình bày: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vận động bị cáo A khắc phục toàn bộ số tiền tham ô; tích cực hợp tác với cơ

quan điều tra; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác. Bị cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo

Bị cáo Trần Đăng K trình bày: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vận động bị cáo Anh khắc phục toàn bộ số tiền tham ô, ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo xin thay đổi yêu cầu kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư và bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử các cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, các vật chứng thu giữ. Từ đó đủ cơ sở để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

[2.1.1] Đối với Phạm Thị Ngọc A: Từ năm 2013 đến tháng 06/2016, Phạm Thị Ngọc A đã lợi dụng nhiệm vụ được giao kế toán và thủ quỹ quản lý các khoản tiền thu phí, lệ phí đất đai tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc, A đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền thu phí, lệ phí tiêu xài cá nhân. Trong thời gian này, hàng tuần Nguyễn Thị Tú G , Nguyễn Quốc P , Diệp Quốc T (đều là cán bộ của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc), Ngô Tố T1, Huỳnh Mùa X , Phan Chí P1, Đoàn Thị Tranh T2, Nguyễn Tấn D 1 (là cán bộ của Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện) được lãnh đạo hai đơn vị phân công nhiệm vụ tực tiếp thu tiền phí, lệ phí đất đai. Sau đó các cán bộ này trực tiếp bàn giao biên lai và số tiền thu được nêu trên cho Phạm Thị Ngọc A quản lý để Ánh tổng hợp quyết toán hàng tháng. Đến cuối mỗi tháng khi tổng hợp tiền thu phí, lệ phí đất đai, A tiến hành lập bảng kê thanh toán ấn chỉ (kê khai chi tiết từng biên lai phí, lệ phí). Nhưng vì mục đích chiếm đoạt tiền nên A kê khai số tiền thấp hơn số tiền trên thực tế thu đã ghi trên từng biên lai thu phí, lệ phí. A cộng số liệu đã kê thấp hơn rồi lập các chứng từ quyết toán gồm bảng đề nghị nộp phí lệ phí; tờ khai phí, lệ phí; bảng kê thanh toán ấn chỉ, xác nhận kê khai thu phí, lệ phí;... trình Trần Văn H1(Giám đốc), Trần Đăng K (Phó Giám đốc) Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất ký duyệt. Sau đó, A mang các thủ tục trên đến Chi Cục thuế, Phòng Tài

chính kế hoạch huyện Phú Quốc để thẩm định quyết toán. Đến năm 2016 do có sự thay đổi là tất cả các chứng từ quyết toán phải gửi về Phòng Kế hoạch tài chính thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang để Phòng Kế hoạch tài chính tham mưu lập các thủ tục, chứng từ trình lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang ký quyết toán với Cục thuế tỉnh và đề nghị qua Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang như quy trình nêu trên. Song với cách làm nêu trên, A vẫn tiếp tục lập bảng kê khai số tiền thấp hơn số tiền trên thực tế đã thu gửi về Phòng Kế hoạch tài chính tỉnh. Khi ký duyệt các chứng từ quyết toán thì Trần Văn H1 và Trần Đăng K không kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai phí, lệ phí và bảng kê thanh toán ấn chỉ với biên lai thu phí, lệ phí đã thu. Cứ sau mỗi lần A tổng hợp chứng từ để quyết toán (A lập bảng kê số tiền thấp hơn số tiền đã thu trên biên lai) thì số tiền chênh lệch phải nộp, A cất giữ trong tủ cơ quan, đợi đến khi các chứng từ được quyết toán xong thì A chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Với cách làm trên trong một thời gian dài từ năm 2013 đến tháng 6/2016, A đã chiếm đoạt tiêu xái cá nhân, gây thất thoát ngân sách nhà nước 2.493.406.500 đồng.

Đến tháng 8/2016, khi Đoàn Thanh tra của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc tiến hành thanh tra việc thực hiện thu, nộp phí, lệ phí đất đai tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc. Do sợ hành vi sai phạm của mình bị phát hiện, A đã dùng thủ đoạn bôi xóa, sửa chữa số tiền ghi trên biên lai (lai lưu) đã thu trên thực tế nhằm để cho khớp với số tiền A đã kê thấp trên bảng kê thanh toán ấn chỉ mà A đã trình Ban Giám đốc Văn phòng ký quyết toán để đối phó với Đoàn Thanh tra.

Tại Kết luận giám định số 697/KL-KTHS ngày 25-01-2017; Kết luận giám định số 159/KL-KTHS ngày 10-4-2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Kiên Giang; Kết luận giám định số 54/KLGĐ - STC ngày 03-4-2017 và Kết luận giám định số 105/KLGĐ - STC ngày 26-6-2017 của Tổ giám định thuộc Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang, đã kết luận: Trong thời gian từ gian từ năm 2013 đến tháng 6/2016, Phạm Thị Ngọc A đã tẩy xóa và điền thêm nội dung trên biên lai thu phí, lệ phí tổng cộng 128 biên lai thu tiền phí, lệ phí; tham mưu cho Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc (chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc) ký duyệt kê khai quyết toán số thu phí, lệ phí không đúng quy định để chiếm đoạt 2.493.406.500 đồng, gây thất thoát ngân sách nhà nước. Sau khi bị phát hiện A đã nộp khắc phục đủ số tiền chiếm đoạt.

[2.1.2] Đối với Trần Văn H1: Được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc theo Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 06-02-2012 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc. Đến ngày 15-

12-2015, Sở Tài nguyên và Môi trường, thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định số 294 bổ nhiệm Trần Văn H1 giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc. Theo Thông báo phân công nhiệm vụ của Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc thì Trần Văn H1 có nhiệm vụ phụ trách chung mọi hoạt động của đơn vị và trực tiếp phụ trách công tác thu, chi tài chính (trong đó có công tác thu phí, lệ phí đất đai). Trần Văn H1 biết Phạm Thị Ngọc A àm nhiệm vụ kế toán, vừa quản lý khoản tiền thu phí, lệ phí đất đai để tổng hợp quyết toán hàng tháng tại đơn vị, nhưng H1 vẫn mặc nhiên để A thực hiện công việc trên là không thực hiện đúng nguyên tắc tài chính kế toán. Đồng thời trong quá trình quản lý, chỉ đạo điều hành tài chính tại chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc, H1 không thực hiện hết chức trách, nhiệm vụ được giao quản lý tài chính, không thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai phí, lệ phí và bảng kê thanh toán ấn chỉ với biên lai thu tiền phí, lệ phí theo quy định, mà tin tưởng ký duyệt các chứng từ quyết toán khi A trình ký. H1 phải chịu trách nhiệm cá nhân do trực tiếp ký duyệt các chứng từ quyết toán tiền thu phí, lệ phí đất đai vào hàng tháng, tạo sơ hở cho A chiếm đoạt tổng số tiền 223.004.000 đồng. Trên cương vị Giám đốc, H1 uỷ quyền cho Trần Đăng K trực tiếp ký duyệt 1.897.182.500 đồng nhưng do thiếu trách nhiệm trong quản lý tài chính; thiếu kiểm tra việc kê khai quyết toán số thu phí, lệ phí không đúng quy định tạo sơ hở để cho A chiếm đoạt số tiền này. Tổng cộng H1 phải chịu trách nhiệm chung số tiền A chiếm đoạt tiền ngân sách nhà nước tổng số tiền 2.493.406.500 đồng.

[2.1.3] Đối với Trần Đăng K . Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc theo Quyết định số 7989/QĐ-UBND ngày 14-11-2012 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc. Đến ngày 15-12-2015, Sở Tài nguyên và Môi trường, thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định số 293 bổ nhiệm Trần Đăng K giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc. Kiên được Trần Văn H1 (Giám đốc) phân công (bằng miệng) ký duyệt chứng từ quyết toán các khoản thu tiền phí, lệ phí đất đai (khi H1 đi vắng) và K có đăng ký chữ ký tại Kho bạc huyện Phú Quốc. Khi Phạm Thị Ngọc A trình chứng từ quyết toán tiền thu phí, lệ phí đất đai thì K không thực hiện kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai phí, lệ phí và bảng kê thanh toán ấn chỉ với biên lai thu tiền phí, lệ phí theo quy định, mà tin tưởng trực tiếp ký duyệt các chứng từ quyết toán, từ đó tạo sơ hở dẫn đến việc A chiếm đoạt số tiền 1.897.182.500 đồng. Do đó, Trần Đăng K phải chịu trách nhiệm cá nhân trong việc ký duyệt chứng từ kê khai quyết toán số thu phí, lệ phí không đúng quy định Trong thời gian từ năm 2013 đến tháng 06/2016 tổng số tiền 1.897.182.500 đồng.

[2.2] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Nhà nước; gây nghi ngờ, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với đơn vị các bị cáo công tác. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Phạm Thị Ngọc A phạm tội "Tham ô tài sản"; bị cáo Trần Văn H1 và bị cáo Trần Đăng Kiên phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" là có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Ngọc A: Từ năm 2013 đến tháng 06/2016, Phạm Thị Ngọc A đã lợi dụng nhiệm vụ được giao kế toán và thủ quỹ quản lý các khoản tiền thu phí, lệ phí đất đai tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc, A đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền thu phí, lệ phí 2.493.406.500 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến hoạt động tài chính của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến việc chấp hành ý thức tổ chức kỷ luật, nội quy, quy chế của cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan nơi bị cáo công tác. Tuy nhiên, bị cáo Phạm Thị Ngọc A có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thân nhân là người có công với cách mạng; đang nuôi con nhỏ mới được hơn 1 tuổi. Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất giản đơn, chỉ là sửa chữa lại số liệu trên bảng kê, chứng từ. Đặc biệt khi bị phát hiện hành vi chiếm đoạt, từ trước khi khởi tố vụ án, bị cáo A đã tích cực khắc phục, nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt. Hiện nay, trong các vụ án về tham nhũng thì việc thu hồi tài sản tham nhũng là một trong những giải pháp quan trọng nhất để khắc phục hậu quả những thiệt hại do tham nhũng gây ra. Phát hiện và thu hồi tài sản tham nhũng có hiệu quả sẽ có tác dụng răn đe, tác động mạnh vào tâm lý tội phạm tham nhũng, ngăn chặn động cơ của tham nhũng, là một trong những thước đo hiệu quả phòng, chống tham nhũng. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng đang trở thành vấn đề trọng tâm trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Do đó, việc bị cáo khắc phục hậu quả đối với toàn bộ số tiền chiếm đoạt được coi là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt để xem xét trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[2.4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn H1 và bị cáo Trần Văn K : Đối với bị cáo Trần Văn H1, trên cương vị Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc, nhưng không kiểm tra sâu sát, đã tạo điều kiện cho bị cáo A chiếm đoạt 2.493.406.500 đồng. Tuy nhiên, bị cáo chỉ trực tiếp ký duyệt 223.004.000 đồng và chỉ ký trên bảng kê do bị cáo A nộp lên. Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; trong quá trình công tác được khen thưởng Bằng khen, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, được tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Tài nguyên và Môi trường; có ông Ngoại được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Vợ bị cáo được tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục. Đối với bị cáo Trần Đăng K , được

bổ nhiệm là Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Quốc, được Giám đốc giao trực tiếp ký duyệt các chứng từ quyết toán, nhưng vì tin tưởng bị cáo A nên cũng thiếu kiểm tra, giám sát chặt chẽ, từ đó tạo điều kiện cho bị cáo A chiếm đoạt số tiền 1.897.182.500 đồng. Tuy nhiên, trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, được khen thưởng trong quá trình công tác. Khi phát hiện sai phạm của A thì bị cáo H1 và bị cáo K đã chủ động báo cáo lãnh đạo cấp trên, đã vận động bị cáo A nộp khắc phục toàn bộ số tiền chiếm dụng. Trong quá trình điều tra, xét xử, bị cáo H1 và bị cáo K đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan Điều tra và các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình phát hiện hoặc điều tra tội phạm. Về quá trình ở địa phương từ khi bị khởi tố đến nay 02 bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước; không phạm tội mới; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì vậy căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Trần Văn H1và bị cáo Trần Đăng K ; đồng thời nhằm tạo điều kiện cho bị cáo H1và bị cáo K tiếp tục phục vụ trong cơ quan nơi các bị cáo công tác để 02 bị cáo tiếp tục rèn luyện, sửa chữa khuyết điểm và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường cơ quan các bị cáo công tác, dưới sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức giám sát và gia đình của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo Trần Văn H1 và bị cáo Trần Đăng K ra khỏi đời sống xã hội, mà xử phạt bị cáo H1 và bị cáo K mỗi bị cáo 01 (một) năm tù, nhưng cho 02 bị cáo này được hưởng án treo và thời gian thử thách phù hợp tại cơ quan của các bị cáo công tác (Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang) như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà cũng đủ tính răn đe, giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Ngọc A, Trần Văn H1 và Trần Đăng K ; chấp nhận đề nghị của Luật sư và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Phạm Thị Ngọc A Trần Văn H1 và Trần Đăng K không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Ngọc A; Trần Văn H1; Trần Đăng K . Sửa một phần bản án số 20/2018/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Ngọc A phạm tội "Tham ô tài sản"; Bị cáo Trần Văn H1 và bị cáo Trần Đăng K phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

2. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc A 12 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 13/3/2017 đến ngày 28/6/2017. Do bị cáo Phạm Thị Ngọc A đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên không ra quyết định bắt tạm giam.

2.2. Cấm bị cáo Phạm Thị Ngọc A đảm nhiệm chức vụ về quản lý kinh tế 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Áp dụng khoản 2, 3 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 20, 36, 45, 53, 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

3.1. Xử phạt bị cáo Trần Văn H 01 năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29 tháng 01 năm 2019).

3.2. Xử phạt bị cáo Trần Đăng K 01 năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29 tháng 01 năm 2019).

3.3. Cấm bị cáo bị cáo Trần Văn H1 và bị cáo Trần Đăng K đảm nhiệm chức vụ về quản lý kinh tế trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

3.4. Giao bị cáo Trần Văn H1 và bị cáo Trần Đăng K cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, thuộc thuộc Sở

Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang để quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3.5. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3.6. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phạm Thị Ngọc A, Trần Văn H1 và Trần Đăng K không phải chịu.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Ngọc Huynh

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- CQCSĐT – Công an tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Kiên Giang;
- Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo – người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA.